

Số: /GPMT-UBND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Đăk Lăk về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khoáng sản và báo cáo đề nghị cấp giấy phép môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản số 51/CV-BVMTN ngày 06/8/2024 của Công ty TNHH Bệnh viện Mắt Tây Nguyên về việc đề nghị phê duyệt cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Bệnh viện Mắt Tây Nguyên” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 276/TTr-STNMT ngày 16/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Bệnh viện Mắt Tây Nguyên, địa chỉ tại số 309 đường Ngô Quyền, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Bệnh viện Mắt Tây Nguyên” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Mắt Tây Nguyên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 309 đường Ngô Quyền, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Số 6001360648 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đăk Lăk cấp, đăng ký lần đầu ngày

12/9/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/3/2023.

1.4. Mã số thuế: 6001360648

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa mắt

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 3.673,9 m².

- Công suất: 50 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Bệnh viện Mắt Tây Nguyên

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Bệnh viện Mắt Tây Nguyên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện Mắt Tây Nguyên theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Công thông tin điện tử tỉnh;
- UBND Tp Buôn Ma Thuột;
- Công ty TNHH Bệnh viện Mắt Tây Nguyên;
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
- + Nguồn số 02: Nước thải y tế từ hoạt động khám chữa bệnh.
- + Nguồn số 03: Nước thải từ khu vực giặt ủi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của “Bệnh viện Mắt Tây Nguyên” sau khi xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Buôn Ma Thuột; không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

- Đã được UBND thành phố Buôn Ma Thuột thống nhất thỏa thuận đầu nối tại Công văn số 5579/UBND-QLĐT ngày 21/12/2024 về việc thỏa thuận vị trí đầu nối hệ thống thoát nước thải sau xử lý của Bệnh viện Mắt Tây Nguyên. Vị trí đầu nối nước thải tại hố ga chờ đầu nối (ký hiệu: IR0625204) của tuyến ống thu gom thoát nước thải nằm trên vỉa hè đường Ngô Quyền (phía công phụ trước Bệnh viện), phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Chất lượng nước thải sau khi xử lý của Bệnh viện phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột A, K = 1,2 trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Buôn Ma Thuột. Tọa độ điểm đầu nối nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°30', múi chiếu 3'): X=452182; Y=1403904.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải từ bồn cầu, bồn tiểu tại các nhà vệ sinh được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn (gồm 01 bể), sau đó dẫn về bể thu gom và bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung; nước thải từ bồn rửa tay, vệ sinh sàn được thu về bể thu gom, sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nguồn số 02, 03: Được thu về bể thu gom, sau đó bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Nước thải từ Bể gom → Song chắn rác → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Thiết bị lọc áp lực (khử trùng trên đường ống) → Hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Buôn Ma Thuột.

- Công suất thiết kế: 16 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH; Clorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Các thiết bị, máy móc làm việc ở áp suất cao phải có hồ sơ kỹ thuật rõ ràng và thực hiện nghiêm ngặt chế độ kiểm tra định kỳ.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải. Tiến hành thay thế các giá thể vi sinh khi hiệu suất xử lý có dấu hiệu giảm sút.

- Định kỳ quan trắc nước thải để theo dõi, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Khu vực chứa hóa chất và các vật liệu khác sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải được bố trí thông thoáng để hạn chế các sự cố xảy ra.

- Phân công nhân viên có chuyên môn vận hành, kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý nước thải;

- Lập Sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để theo dõi, cập nhật đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành, các vấn đề sự cố phát sinh trong quá trình vận hành để ứng phó kịp thời với các sự cố có thể phát sinh.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường tại cơ sở theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (Công ty TNHH Bệnh viện Mắt Tây nguyên đã được cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 40/GP-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh Đắk Lắk).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo quy định, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu, điều kiện về tiếp nhận, đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước thải chung của thành phố Buôn Ma Thuột; không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Có Sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

Phụ lục 2**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải có chứa tác nhân lây nhiễm:		13 01 01	256.5
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	Rắn	13 01 01	25
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	Rắn		230
1.3	Chất thải giải phẫu	Rắn		1,5
2	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	Rắn	13 03 02	1
3	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	3
4	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	5
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	5
6	Pin thải, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	20
Tổng cộng:				290,5

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn không có khả năng tái chế	5.475
2	Chất thải rắn có khả năng tái chế	1.095

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:****2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa dung tích 25 lít có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo; chất thải lây nhiễm sắc nhọn được chứa trong hộp giấy kháng thủng màu vàng loại 5 lít.

- Tại kho lưu giữ: Bố trí các thùng nhựa dung tích 120 lít để lưu chứa chất thải y tế lây nhiễm, các thùng nhựa dung tích 240 lít để lưu chứa chất thải y tế không lây nhiễm; các thùng có nắp đậy, có dán nhãn và dấu hiệu cảnh báo.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm: Kích thước 4m x 3m x 3m; có tường bao quanh và mái lợp bằng tôn, nền láng xi măng, có dán biển cảnh báo nguy hại.

- Kho lưu chứa chất thải y tế lây nhiễm: Kích thước 4m x 3m x 3m; có tường bao quanh và mái lợp bằng tôn, nền láng xi măng, có dán biển cảnh báo nguy hại.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Tại các khoa, phòng: Bố trí các thùng nhựa dung tích 25 lít có nắp đậy, có dán tên chất thải.

- Dọc tuyến hành lang nội bộ: Bố trí các thùng rác Inox 201 dung tích 30 lít có nắp đậy, có dán tên chất thải.

- Tại khu vực tập kết rác thải tạm thời chất thải rắn không có khả năng tái chế: Bố trí các thùng nhựa dung tích 240 lít, có nắp đậy kín và bánh xe di chuyển.

- Tại khu vực lưu giữ chất thải rắn có khả năng tái chế: Bố trí các thùng nhựa dung tích 660 lít, có nắp đậy kín và bánh xe di chuyển.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn không có khả năng tái chế: Khu vực tập kết rác thải tạm thời có diện tích 5m², mái lợp tôn, nền bê tông.

- Kho lưu chứa chất thải rắn có khả năng tái chế: diện tích 3m², mái lợp tôn, nền lát gạch.

2.3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 3**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2024
của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư 20/2021/TT-BYT, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
3. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của cơ sở.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Trong quá trình thực hiện nếu cơ sở có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.
6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.